TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ N** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **75**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-6-2023
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hướng**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trương Tha**
Bà **Lê Thị Hoa**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Huỳnh Thị T Kiều** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Bà **Phan Thị Mỹ Ngân** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 188/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08/6/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1981
Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Đình Th**, sinh năm 1977
Nơi cư trú: Thôn A, xã S, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Đình Th đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 2001. Quá trình chung sống vợ chồng bà có nhiều mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2006 đến nay, bà ông Th không còn sống chung với nhau nữa. Nay bà không còn tình cảm với ông Th nên yêu cầu ly hôn ông Th.

Con chung: Bà và ông Nguyễn Đình Th có 02 con chung là Nguyễn Tấn T, sinh ngày 22/8/1999 và Nguyễn Thành L, sinh ngày 25/10/2006. Cháu T đã trưởng

thành nên bà không yêu cầu giải quyết, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

2. Bị đơn ông Nguyễn Đình Th đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

3. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến trình bày:

+ Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án: Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Đình Th đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Đình Th, nơi cư trú: thôn A, xã S, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã N theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Đình Th kết hôn tại UBND xã T, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 27/6/2001. Hội đồng xét xử xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà T yêu cầu ly hôn vì cho rằng quá trình chung sống bà và ông Th không hạnh phúc vì bất đồng quan điểm. Ông bà đã không sống chung từ năm 2006 đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông Th vắng mặt trong các phiên hòa giải và tại phiên tòa, chứng tỏ ông Th không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân giữa ông với bà T. Hội đồng xét xử xác định bà T và ông Th đã không còn tình cảm, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau,

mâu thuẫn giữa bà T và ông Th đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Đình Th có 02 con chung là Nguyễn T Thành, sinh ngày 22/8/1999 và Nguyễn Thành L, sinh ngày 25/10/2006. Cháu T đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu Long có nguyện vọng ở với mẹ nên giao cho cho T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi cho cháu L.

- Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH2014 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn ông Nguyễn Đình Th.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 25/10/2006 cho bà Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Bà T không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Th có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2022/0000772 ngày 22/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N. Bà T đã nộp đủ án phí.

Quy định chung: *Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi*

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND xã T
(GCNKH 47/2001);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hướng